

## “NGƯỜI TRUNG GIAN” TRONG MẠNG LƯỚI DI CƯ LAO ĐỘNG TRẺ EM

LÊ ĐẶNG BẢO CHÂU\*

### **Đặt vấn đề**

Những nghiên cứu gần đây đã chỉ ra vai trò quan trọng của mạng lưới xã hội trong các loại hình di cư khác nhau. Theo M. Zouiten (2006:36), mạng lưới xã hội giúp làm sáng tỏ quá trình di cư ở ba cấp độ: ra quyết định di cư; tiếp nhận và hỗ trợ người di cư ở nơi đến; trao đổi giữa các tác nhân tham gia vào quá trình di cư. Điều đó có nghĩa là trước và trong quá trình di cư, vốn xã hội vô cùng quan trọng. Việc lựa chọn nơi đến hay xây dựng các chiến lược hội nhập và phát triển của người di cư không chỉ phụ thuộc vào các mối quan hệ sẵn có của mình (liên kết trong nhóm) mà còn cần đến những mối quan hệ trung gian có thể kết nối họ với một nhóm khác. Đặc biệt, khi người di cư chưa đủ tuổi trưởng thành, mạng lưới xã hội lại càng chứng tỏ vai trò tối ưu của mình trong việc tạo ra các quyết định và xây dựng chiến lược sống của các hộ gia đình nông thôn, đặc biệt là các hộ gia đình nghèo.

### **“Người trung gian” trong lý thuyết mạng lưới xã hội của A. Degène và M. Forsé**

Trong bài viết “Sức mạnh của các mối liên kết yếu” (1973), nhà xã hội học người Mỹ M. Granovetter đã chỉ ra tầm quan trọng của các “mối liên kết yếu” trong việc tìm kiếm việc làm. Theo ông, có bốn tiêu chí để phân biệt một “mối liên kết mạnh” với một “mối liên kết yếu”, đó là: lượng thời gian chia sẻ cùng nhau, cường độ cảm xúc, sự tin tưởng lẫn nhau và cuối cùng là sự giúp đỡ, tương hỗ giữa hai bên. Từ bốn tiêu chí này, liên kết của một cá nhân với tất cả những ai anh ta gặp gỡ thường xuyên được xem là liên kết mạnh. Ngược lại, liên kết yếu là liên kết giữa một cá nhân với những người anh ta không gặp gỡ, liên lạc thường xuyên và không cùng nhóm với anh ta. Theo M. Granovetter, những liên kết yếu cuối cùng lại tỏ ra mạnh hơn những liên kết mạnh trong việc tìm kiếm việc làm bởi chúng cho phép trao đổi thông tin giữa các nhóm khác nhau và vì thế tạo cơ hội tiếp cận việc làm. Liên kết yếu giữa hai tác nhân (actor) do đó có thể tạo thành một “cầu nối” giữa hai nhóm khép kín. Không có mối liên kết này, hai nhóm nói trên có thể biệt lập với nhau.

Từ lý thuyết về “sức mạnh của các mối liên kết yếu” và khái niệm “cầu nối” giữa các mạng lưới của M. Granovetter, A. Degène và M. Forsé (2004:149) đã phát triển khả năng làm trung gian kết nối các mạng lưới xã hội của một cá nhân. Hai tác giả này đã phân biệt năm loại trung gian và đặt tên cho mỗi loại như sau:

---

\* TS, Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Huế.

- Người “môi giới” (intermédiaire): là người giúp kết nối những cá nhân thuộc các nhóm khác biệt lại với nhau. Bản thân anh ta lại ở trong một nhóm khác tách biệt với các nhóm trên. Trong trường hợp này, có thể giả định rằng anh ta không hưởng lợi gì từ mối quan hệ mà anh ta đã giúp thiết lập, mà đơn thuần chỉ là người trung gian môi giới.

- Người “đại diện” (représentant): là người giúp kết nối cá nhân A với cá nhân B. Anh ta cùng nhóm xã hội với A, trong khi B lại thuộc một nhóm khác. Trong trường hợp này A đã ủy quyền cho người đại diện để anh ta thay mặt mình thực hiện thương lượng với B. Trong liên kết với B, anh ta đóng vai trò là người đại diện của nhóm thực hiện liên kết với bên ngoài.

- Người “gác cổng” (gardien): Tương tự người “đại diện”, người “gác cổng” cũng giúp kết nối một cá nhân trong nhóm của mình với bên ngoài. Tuy nhiên, khác với người đại diện, anh ta là người kiểm soát và quyết định có cho B (cá nhân của nhóm khác) tham gia vào nhóm của mình hay không.

- Người “trung gian hòa giải” (médiateur): Không tham gia vào nhóm mới thiết lập (nhóm mà anh ta vừa mới giúp liên kết A với B), người “trung gian hòa giải” giúp giải quyết các vấn đề xảy ra trong giao tiếp bên trong nhóm của họ. Có nghĩa là khi một thỏa thuận trong nội bộ nhóm mới không giải quyết được và cần đến sự giúp đỡ của người thứ ba từ bên ngoài, anh ta sẽ xuất hiện và đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết vấn đề liên quan đến quan hệ giữa A và B.

- Người “điều phối” (coordinateur): là người có vai trò như người “trung gian hòa giải”. Tuy nhiên, anh ta không phải là người ngoài mà ở cùng nhóm với A và B. Nói cách khác anh ta là người thứ 3 “bên trong”, điều phối hoạt động ngay trong nhóm của mình.

### **Nguồn thông tin**

Bên cạnh các lý thuyết và khái niệm trình bày ở trên, bài viết này còn sử dụng thông tin thu được từ các cuộc khảo sát tiến hành liên tục trong suốt 3 năm 2011, 2012, 2013 trong khuôn khổ luận án Tiến sĩ Xã hội học của tác giả bài viết này. Các cuộc khảo sát được thực hiện ở cả hai đầu đi và đầu đến nhằm tìm hiểu chiến lược di cư lao động của nhóm trẻ em (dưới 18 tuổi) làm việc trong các xưởng may gia công tại thành phố Hồ Chí Minh. Đó là các cơ sở sản xuất tư nhân nhỏ, vốn đầu tư không lớn, chủ yếu là nhận gia công các sản phẩm may mặc của các công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc may “hàng chợ”. Để giảm giá thành sản phẩm và tiết kiệm chi phí nhân công, các chủ xưởng thường thuê lao động giá rẻ, không có tay nghề, đa số là người di cư, trong đó có lao động trẻ em. Các cơ sở sản xuất này tập trung rất nhiều ở các quận ngoại biên thành phố Hồ Chí Minh như quận Tân Bình, quận Bình Tân, Tân Phú...

Mẫu nghiên cứu (nơi đi) gồm hai thôn Lương Viện và thôn Mới thuộc xã Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Nơi đến là quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nơi có nhiều cơ sở may gia công có sử dụng trẻ em, đặc biệt là trẻ em đến từ các tỉnh miền Trung. Thông tin định tính được thu thập từ 100 cuộc phỏng vấn sâu trên hai nhóm đối tượng chính: trẻ em di cư lao động (đối tượng di chuyển) và bố mẹ của trẻ (đối

tượng không di chuyển). Bên cạnh đó, còn có một số phỏng vấn các đối tượng khác như chủ sử dụng lao động trẻ em, người môi giới, đại diện chính quyền địa phương.

Bài viết này tập trung phân tích vai trò của mạng lưới xã hội, đặc biệt là “người trung gian”, đối với di cư lao động nông thôn - đô thị của nhóm trẻ em làm việc trong các cơ sở may gia công tại thành phố Hồ Chí Minh.

### **Kết quả**

Tỷ lệ trẻ em di cư lao động tự do tăng cao kể từ những năm đầu của thập niên 90 khiến các nhà khoa học quan tâm đến định nghĩa thế nào là “trẻ di cư tự do”. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng “trẻ em di cư tự do” là đối tượng phải di chuyển (một mình) khi bố mẹ các em tự mình quyết định gửi chúng đi làm việc xa gia đình (D. Levison, 2000). Một số nghiên cứu khác lại định nghĩa “trẻ em di cư tự do” như là đối tượng có toàn quyền và quyết định một mình việc di chuyển của mình mà không cần đến bất kỳ giúp đỡ nào từ phía bố mẹ (V. Iversen, 2002, 2006). Và cuối cùng, một số nghiên cứu khác nữa đã chứng minh rằng “trẻ em di cư tự do” là đối tượng di chuyển một mình, tuy nhiên việc ra quyết định di cư được bố mẹ và trẻ cùng bàn bạc, thỏa thuận và thực hiện.

Mặc dù không có định nghĩa duy nhất về “trẻ em di cư tự do”, đa số các nghiên cứu về di cư lao động trẻ em đều tập trung tìm hiểu nguyên nhân của việc ra quyết định cho việc di chuyển này. Nếu như yếu tố kinh tế (nghèo) đóng vai trò là yếu tố “cần”, thì mạng lưới xã hội hay cụ thể hơn là các mối quan hệ xã hội được xem là yếu tố “đủ” để trẻ em và bố mẹ của họ ra quyết định về việc di chuyển cũng như lựa chọn nơi chuyển đến.

Kết quả khảo sát ở xã Phú Đa, Thừa Thiên - Huế cho phép khẳng định trong hoàn cảnh không tiền bạc, không địa vị, bố mẹ của trẻ phải cần đến các mạng lưới di cư để gửi con cái đi làm việc ở thành phố. Những đứa trẻ này đa phần đi đúng con đường và đến đúng nơi mà những người thân, bạn bè, hàng xóm trong làng di chuyển đến. Vận dụng định nghĩa về “những mối liên kết yếu” và “những mối liên kết mạnh” của M. Granovetter và sự phân loại “người trung gian” của A. Degène và M. Forsé vào trong phân tích di cư lao động trẻ em cho phép chúng tôi gọi tên, chỉ ra khả năng kết nối cũng như quyền lực của những người đóng vai trò “trung gian” trong các mạng lưới di cư lao động trẻ em. Dựa trên tính chất của các mối quan hệ, có thể chia những người trung gian này thành hai nhóm: nhóm những người trung gian có “liên kết mạnh” với gia đình người di cư và nhóm những người trung gian có “liên kết yếu” với họ.

#### **• Người trung gian thuộc “liên kết mạnh”**

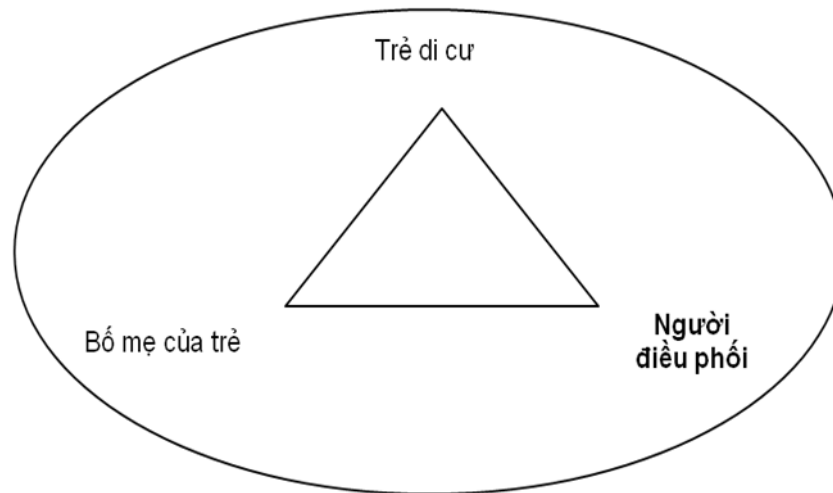
Kết quả khảo sát của chúng tôi đã chỉ ra rằng rất nhiều trẻ em di cư và bố mẹ của trẻ phải nhờ đến những “người trung gian” có quan hệ gần gũi với họ để có thể di chuyển. Cụ thể là những người bà con giữ vai trò “điều phối” và “đại diện”:

a) Anh/chị, cô/đi, chú/bác “điều phối” là chủ những cơ sở may gia công

Người “điều phối” là những người bà con gần đã di cư trước đó một thời gian. Họ mở các xưởng may và trở thành những “ông chủ”, “bà chủ” của các cơ sở sản xuất tư nhân rồi mang em út, cháu chắt ở quê mình vào thành phố, cho ăn ở, dạy nghề và

làm việc cho họ trong xưởng. Những lao động nhỏ tuổi này được trả lương cho công việc của mình.

Theo cách phân loại của A. Degène và M. Forsé, những “ông chủ”, “bà chủ” nói trên thuộc nhóm những người “điều phối”. Họ liên hệ thường xuyên với gia đình ở quê và đóng vai trò là “người thứ ba trong nhóm”, tác động và điều phối việc ra quyết định di cư lao động của các em hay các cháu trong gia đình.



Hình 1: Người điều phối

Với sự giúp đỡ của “người điều phối”, việc di cư của trẻ em được quyết định nhanh hơn và được xem là thuận lợi và an toàn. Các tác nhân (bao gồm trẻ em, bố mẹ của trẻ và “ông/bà chủ”) vẫn thuộc một nhóm khép kín. Bằng cách này, các gia đình nông thôn một mặt đảm bảo được mối liên kết giữa các thành viên bên trong nhóm, đồng thời phát triển chiến lược mở rộng nhóm về mặt không gian, vượt ra ngoài ranh giới của các vùng nông thôn, vươn đến các đô thị sầm uất.

Lấy trường hợp gia đình bà Th., 51 tuổi trong mẫu khảo sát làm ví dụ Bà Th. sống ở thôn Lương Viên, xã Phú Đa. Bà có 2 con gái lớn, một người di cư vào thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2001 và một người từ năm 2003. Hai người con gái của bà nay đã định cư và trở thành “chủ” của hai xưởng may gia công tại quận Bình Tân. Năm 2011, bà Thanh gửi con gái thứ ba (13 tuổi) của mình vào học nghề và làm việc cho cô chị cả. Việc di chuyển của cô con gái thứ 3 có thể được xem như là chiến lược phát triển của gia đình này, theo hướng di chuyển, định cư và phát triển ở thành phố. Gia đình bà Th. trở thành gia đình “đa cực”, được định nghĩa như là loại gia đình có các thành viên đăng ký hộ khẩu ở một cùng một nơi, nhưng lại lưu trú ở những địa phương khác nhau (A.V. Toral, 2001). Trong luận án tiến sĩ “Nông thôn và nông nghiệp qua lăng kính của những cuộc di chuyển không gian của người dân Nam Altiplano, Bolivia vào thời điểm tăng giá đột ngột cây diêm mạch”, A.V. Toral (2001) đã giới thiệu những hình thức định tâm và những mối quan hệ của người di cư với quê hương họ. Theo đó, loại gia đình định cư bền vững ở nông thôn “cắm” một phần gia đình mình ở đô thị, với động cơ thăng tiến xã

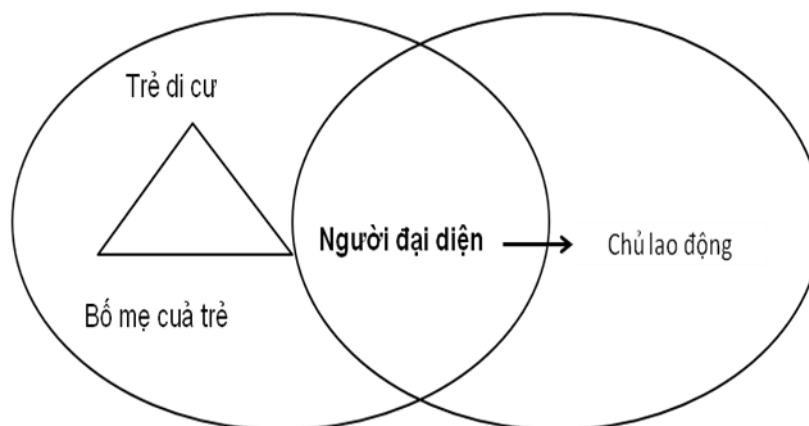
hội cho con cái. Đối với những gia đình đa cực, cực mạnh nhất là cực được định tâm đầu tư nhiều nhất.

Cần lưu ý rằng những đứa trẻ sau khi di chuyển vào thành phố thông qua sự giúp đỡ của người "điều phối", mỗi khi có cơ hội và tích lũy đủ kinh nghiệm sống và nghề nghiệp ở nơi đến, lại có khuynh hướng tự mở rộng mạng lưới của mình bằng cách thoát ra khỏi nhóm gia đình khép kín, gia nhập vào nhiều nhóm xã hội khác thông qua các mối quan hệ mới thiết lập. Vì thế chiến lược phát triển của các gia đình đa cực không phải luôn luôn theo kế hoạch ban đầu của bố mẹ. Nghiên cứu về di cư lao động trẻ em của A.D. Lange (2007) và của I. Hashim (2004) đã chỉ ra rằng với mong muốn thoát ra khỏi cuộc sống phụ thuộc, trẻ em di cư không muốn buộc mình vào những liên kết mạnh vì những mối liên kết này được trẻ xem như là rào cản tự do của chúng ở thành phố.

b) Anh/chị, cô/dì, chú/bác "đại diện"

Trong mạng lưới di cư lao động trẻ em, ngoài những người bà con trong gia đình đóng vai trò là "điều phối", còn xuất hiện những người anh/chị, cô/dì, chú/bác làm "người đại diện", giúp kết nối người thân của họ ở nông thôn với "ông chủ", "bà chủ" ở thành phố.

"Người đại diện" là người đã di cư trước đó. Họ có nhiều thông tin về công việc ở thành phố cũng như nhiều mối quan hệ ngoài nhóm. Những "người đại diện" này có thể làm nghề may, cũng có thể làm những nghề khác nhưng có quan hệ, quen biết với "chủ" các xưởng may gia công. Thông qua những mối quan hệ này, họ giới thiệu em út, cháu chắt của mình ở nông thôn vào làm việc trong các xưởng may ở thành phố. Khác với "người điều phối", "người đại diện" thuộc cả hai nhóm: nhóm gia đình ở nông thôn và nhóm những người lao động ở đô thị.



Hình 2: Người đại diện

Nói về những người anh/chị, cô/dì, chú/bác "đại diện" này, rất nhiều trẻ em di cư được phỏng vấn trong mẫu khảo sát đã trả lời rằng chính anh/chị của các em đã thuyết phục bố mẹ và đưa các em đến thành phố, vào làm cùng xưởng may với họ. Những người

anh, người chị này có thể đã trưởng thành hoặc vẫn còn trong độ tuổi trẻ em. Sau một, hai năm di cư lao động, một đứa trẻ có thể giới thiệu anh/chị/em của mình đang ở quê đến thành phố làm việc. Trong trường hợp này, người “đại diện” đóng vai trò bảo lãnh, có nghĩa là anh ta phải tạo đủ tin cậy với chủ và chịu trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ người mới đến hòa nhập với cuộc sống và công việc trong xưởng.

Lấy trường hợp của Ph. làm ví dụ: Ph. là một cậu bé 14 tuổi, có vóc người nhỏ bé. Cậu vừa mới kết thúc năm làm việc đầu tiên của mình ở một xưởng may gia công tại thành phố Hồ Chí Minh. Về nhà nghỉ Tết vào tháng 2/2011, cậu quyết định mang em gái 13 tuổi của mình vào làm việc cùng xưởng may. Có thể xem những người trung gian kiểu “đại diện” như Ph. là cầu nối quan trọng, kết nối các gia đình ở nông thôn với “chủ” lao động ở đô thị. Quyết định giao con gái nhỏ thứ hai cho con trai cả đưa đi làm việc xa nhà, bố mẹ của Ph. hoàn toàn yên tâm và hy vọng cô bé sẽ có một công việc mang lại thu nhập như anh trai của em. Có anh trai bên cạnh, em gái của Phú không có chút lo lắng nào, không chuẩn bị gì, không quan tâm cả việc mình sẽ sống với ai, làm việc gì, mỗi tháng kiếm được bao nhiêu tiền. Rõ ràng là Phú đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc ra quyết định gửi con đi làm ăn xa của bố mẹ và quyết định di cư lao động của em gái. Trong ví dụ này, chính Ph., người anh trai 14 tuổi, là người đã đưa em gái 13 tuổi vào thị trường lao động phi chính thức ở thành phố. Chính cậu bé là người kết nối cung với cầu lao động, gia đình với chủ có sử dụng lao động di cư trẻ em, cộng đồng nông thôn với cộng đồng đô thị.

Quan hệ giữa người trung gian với trẻ di cư càng “mạnh” thì vai trò “đại diện” của anh ta càng lớn. Theo logic này, những người anh/chị trong gia đình có trách nhiệm với em út ruột thịt của họ nhiều hơn một cô/dì/chú bác “đại diện”. Trong trường hợp trẻ mồ côi hay bị cha mẹ bỏ rơi, anh/chị trở thành người có trách nhiệm chính và tất nhiên là người “đại diện” vô cùng quan trọng trong việc đưa em mình vào thị trường lao động, như trường hợp của Th. (14 tuổi) đề cập sau đây.

Trước thời điểm được phỏng vấn (tháng 10/2012) 3 năm, mẹ của Th. mất vì bệnh. Bố của Th. bỏ rơi hai anh em cậu bé, đi khỏi làng, lấy vợ khác. Anh trai của Thuận lúc đó 15 tuổi, đã gửi Thuận lại cho bà nội nuôi và theo bạn bè di cư vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc trong một xưởng may. Sau hai năm làm việc, người anh trai về làng mang Th. theo vào thành phố, ở chung, làm việc chung trong xưởng. Tuy nhiên, để có được sự chấp thuận của “chủ” lao động, người anh trai phải tạo dựng được lòng tin với người này. Ngay khi Th. vào làm ở xưởng, anh của cậu bé đã lập tức đóng vai trò là người giám hộ, hướng dẫn cho em trai mình cách thức hòa nhập với cuộc sống và công việc mới. Có thể nói nếu không có người anh “đại diện” này, Th. khó có thể đến được thành phố và có được việc làm ngay. Chủ của cơ sở may nơi hai anh em làm việc cho biết:

*“Thằng bé này là em trai của một thợ trong xưởng. Thật tình là tôi không muốn thuê con nít làm đâu vì chỗ tôi là công ty trách nhiệm hữu hạn chứ không phải là xưởng vệ tinh. Tôi không muốn gặp rắc rối với công an về mấy việc thuê trẻ con làm việc. Nhưng vì anh trai của nó năn nỉ tôi quá. Anh nó làm cho tôi cũng được hai năm rồi, hiền lành, có*

*trách nhiệm. Chị biết đó, tình cảnh hai đứa này rất khó khăn, mẹ chết sớm, ba bỏ đi lấy vợ khác. Chẳng anh vô đây làm còn thằng em ở với bà nội mà bà nội thì lại sống với ông chú. Tụi nó cần một công việc để sống. Nghĩ vậy nên tôi mới chấp nhận cho nó đưa em vào...".*

(PVS Nguyễn Thị C., nữ, 31 tuổi)

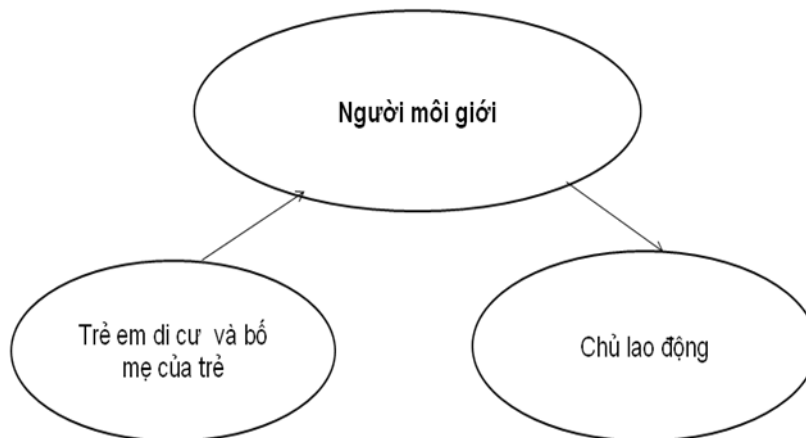
Những phân tích trên đây về vai trò của những người trung gian có "liên kết mạnh" với trẻ di cư lao động cho phép khẳng định tầm quan trọng của những mối quan hệ gia đình trong việc tạo ra quyết định di cư. Cho dù người trung gian là "điều phối" hay "đại diện", sự trợ giúp của họ, với tư cách là một người thân chung huyết thống, luôn cần thiết trong di cư lao động trẻ em. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chỉ có những "mối liên kết mạnh" mới đủ sức tạo ra các quyết định di cư mà bên cạnh nó, những "mối liên kết yếu" cũng mang giá trị rất "mạnh" trong việc xây dựng các chiến lược di cư của người dân nông thôn.

#### **• Người trung gian thuộc "liên kết yếu"**

Theo M. Granovetter (trích trong A. Degène và M. Forsé, 2004), những mối liên kết yếu là "cầu nối giữa các ốc đảo khép kín". Khác với các mối liên kết mạnh giữa những người bà con trong gia đình, những mối liên kết yếu là phương tiện để có được các thông tin mới từ phía bên ngoài. Vì thế, trong trường hợp tìm kiếm việc làm, đôi khi chúng tỏ ra mạnh hơn những mối liên kết mạnh. Những gia đình nông thôn trong mẫu khảo sát của chúng tôi xây dựng các chiến lược di cư không những chỉ dựa vào các mối quan hệ gần gũi mà còn dựa vào bạn bè, hàng xóm. Tùy theo tính chất và năng lực của những người trung gian này mà họ có thể là một người "môi giới" hay là một người "gác cổng".

##### *a) Người "môi giới"*

Không tính đến những người môi giới chuyên nghiệp, thường xuất hiện nhiều trong các hình thức đưa trẻ em di cư lao động khác (như tuyển người giúp việc nhà...) và không có (hoặc có ít) quan hệ với người lao động, mẫu khảo sát của chúng tôi trên nhóm đối tượng trẻ em làm việc trong các cơ sở may gia công tại thành phố Hồ Chí Minh phát hiện ra vai trò quan trọng của những người môi giới có quen biết với trẻ di cư và gia đình họ. Người môi giới trong trường hợp này là bạn bè, hàng xóm, láng giềng, có thông tin về thị trường lao động ở thành phố và nắm bắt nhu cầu việc làm của các hộ gia đình ở nông thôn. Với thế mạnh này, người môi giới giúp kết nối cá nhân của các nhóm khác nhau lại. Bản thân anh ta không thuộc nhóm của những người được kết nối mà nằm trong một nhóm khác. Trong trường hợp này, anh ta không can thiệp, hay hưởng lợi từ mối quan hệ mới thiết lập. Tuy nhiên, với vai trò trung gian, anh ta tăng cường được quan hệ của mình với từng nhóm đối tượng, cụ thể là với các hộ gia đình ở nông thôn và "chủ" lao động ở thành phố, với kỳ vọng sẽ nhận lại những ưu đãi hay một sự giúp đỡ tương hỗ nào đó trong tương lai.

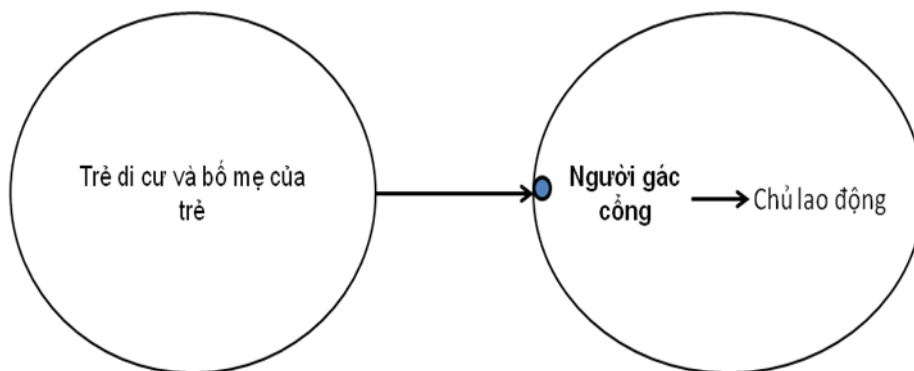


Hình 3: Người môi giới

Việc gửi con đi làm ăn xa cho “người môi giới” phụ thuộc vào vốn xã hội của các gia đình. Người môi giới không nhất thiết là người đã trưởng thành mà có thể vẫn đang còn trong độ tuổi trẻ em. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong khi bố mẹ ưu tiên các mối “liên kết mạnh” cho chuyến đi của con cái vì tính an toàn thì trẻ em di cư lại có xu hướng thích chọn một “người môi giới” cho việc di cư của mình. Đơn giản bởi điều đó mang lại cho trẻ nhiều tự do hơn, khi lý do lớn nhất khiến các em quyết định di cư lao động là “thu nhập riêng” và “cuộc sống tự do không bị bố mẹ giám sát”<sup>7</sup>.

*b) “Người gác cổng”*

Khi người môi giới thuộc nhóm của “chủ” lao động, họ đóng vai trò là “người gác cổng”, có quyền kiểm soát, cho phép hay không cho phép những người khác từ phía bên ngoài gia nhập vào nhóm của mình.



Hình 4 : “Người gác cổng”

Lấy lại trường hợp của bà Th., 51 tuổi, ở thôn Lương Viện làm ví dụ: Bà Th. có hai con gái là chủ của hai cơ sở may khác nhau ở thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi năm, bà Th. giúp hai con gái của mình tìm kiếm trong làng những đứa trẻ “đến tuổi” để đưa đi. Bà

<sup>7</sup> Thông tin tổng hợp từ các cuộc phỏng vấn sâu trẻ em di cư lao động.



đến nhà nói chuyện với bố mẹ của đứa trẻ đã được chọn về việc đưa trẻ di cư lao động và thỏa thuận với họ về công việc và tiền lương của người lao động. Một khi hai bên đạt được sự nhất trí, chính người phụ nữ này là người sẽ mang đứa trẻ vào thành phố Hồ Chí Minh. Trả lời phỏng vấn của chúng tôi, bà nói :

*“Tôi đã đưa 15 đứa trẻ trong làng này vào Sài Gòn làm việc cho hai con gái tôi. Khi con tôi cần người, chúng nó gọi điện thoại về cho tôi. Sau đó tôi giúp chúng tìm mấy đứa trẻ trong làng đến tuổi đi. Thường thì tôi đến các gia đình có con nít tuổi từ 14 đến 15 rồi hỏi xem bố mẹ chúng có muốn cho con đi vào Sài Gòn làm cho con gái tôi không. Nếu họ đồng ý, tôi sẽ thỏa thuận với họ về công việc và tiền lương của đứa trẻ”.*

(PVS, Trần Thị Th., nữ, 51 tuổi)

Trong ví dụ trên, bà Th. ở cùng nhóm với hai con gái mình. Chính người phụ nữ này là người kiểm soát việc có cho một đứa trẻ vào làm việc cho con gái mình hay không. Người “gác cổng” nắm giữ các nguồn thông tin về cung và cầu lao động. Thật vậy, để có thể thực hiện thương lượng với bố mẹ của trẻ về việc đưa các em đến lao động ở thành phố, bà Thanh phải biết rõ về công việc cũng như giá cả lao động. Tương tự, để có được nhân công giá rẻ cho con gái, bà phải là người hiểu rõ nhu cầu của người lao động cũng như nguyên nhân một đứa trẻ ở nông thôn muốn đến làm việc ở thành phố. Từ đó mới thực hiện được một thỏa thuận có lợi cho con gái và bản thân.

### **Kết luận**

Sự phân loại và đặt tên của A. Degene và M. Forsé (2004:149) về các nhóm “đối tượng trung gian” trong nghiên cứu mạng lưới xã hội, được phát triển từ lý thuyết “Sức mạnh của các mối liên kết yếu” cùng với khái niệm “cầu nối” giữa các mạng lưới của M. Granovetter (1973) đã cho phép chúng tôi chỉ ra tầm quan trọng của mạng lưới xã hội trong việc ra quyết định di cư và lựa chọn nơi đến của trẻ em và bố mẹ của các em.

Kết quả nghiên cứu cho thấy những người trung gian, môi giới chuyên nghiệp không đóng vai trò quan trọng trong mạng lưới di cư lao động trẻ em. Ngược lại, các mối quan hệ xã hội của cá nhân và gia đình luôn cần thiết cho việc đưa một đứa trẻ từ nông thôn lên thành thị lao động kiếm sống. Để có thể ra quyết định di cư và thực hiện chuyến đi, trẻ em và bố mẹ của trẻ phải nhờ đến cả “các mối liên kết mạnh” và “các mối liên kết yếu”, cụ thể là 4 loại đối tượng trung gian có khả năng kết nối và giúp họ mở rộng mạng lưới xã hội, bao gồm: (1) Anh/chị, cô/dì, chú/bác “điều phối”; (2) Anh/chị, cô/dì, chú/bác “đại diện”; (3) Bạn bè, hàng xóm “môi giới”; (4) Bạn bè, hàng xóm “gác cổng”. Các đối tượng trung gian này là cầu nối bảo đảm cho việc trao đổi thông tin hai chiều, cho phép kết nối các cộng đồng nông thôn với các cộng đồng đô thị. Tùy thuộc vào “vốn xã hội” và chiến lược phát triển của các hộ gia đình nông thôn cũng như mong muốn riêng của cá nhân trẻ di cư, các đối tượng trung gian được lựa chọn và sử dụng một cách có chiến lược.

Hiểu rõ vai trò và khả năng của các đối tượng trung gian, sức mạnh của các mối quan hệ xã hội trong di cư lao động trẻ em sẽ góp phần đưa ra những khuyến nghị chính sách nhằm can thiệp đúng chỗ, đúng người, hạn chế tiến tới xóa bỏ lao động trẻ em và di cư lao động trẻ em.

### Tài liệu tham khảo

- Đặng Nguyễn Anh. 1998. “Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư”, *Tạp chí Xã hội học*, số 2 :16-24.
- Degene Alain, Forse Michel. 2004. *Les réseaux sociaux*. Paris: Armand Colin, 296p.
- Granovetter Mark. The Strength of Weak Ties. 1973. *American Journal of Sociology*. N°78, 1360-1380.  
<http://www.stanford.edu/dept/soc/people/mgranovetter/>
- Iversen Vegard. 2006. *Segmentation, Network Multipliers and Spillovers: A Theory of Rural Urban Migration for a Traditional Economy* [Working Paper T9]. Brighton: Centre on Migration, Globalization and Poverty, [www.migrationdrc.org/publications/working\\_papers/WP-T9.pdf](http://www.migrationdrc.org/publications/working_papers/WP-T9.pdf).
- IVERSEN Vegard. 2002. Autonomy in Child Labor Migrants. *World Development*. N°30(5), 817-834.
- Lê Ngọc Hùng. 2008. “Vốn xã hội, vốn con người và mạng lưới xã hội qua một số nghiên cứu ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu con người*, Số 4 (37): 45-54.
- Levison Deborah. 2000. Children as Economic Agents. *Feminist Economics*. N° 6(1):125-134.
- Thorsen Dorte. 2005. *Child migrants in transit strategies to become adult in rural Burkina Faso*, paper presented at Childhood conference. Oslo 29 June-3 July 2005.  
[www.migrationdrc.org/news/reports/.../ThorsenOslo.p](http://www.migrationdrc.org/news/reports/.../ThorsenOslo.p)
- Toral Anaïs Vassas. 2011. *Ruralité et agriculture au prisme des mobilités spatiales. L’Altiplano Sud de la Bolivie à l’heure du boom de la quinoa*, 345 p. Thèse : Géographie : Montpellier 3.
- Whitehead Ann, Hashim Iman M. and Iversen Vegard. 2005. (draft), *Child migration, child agency and intergenerational relations in Africa and South Asia*. Oslo: Development Research Centre on Migration, globalisation and poverty, 29 June-3July 2005.  
[www.migrationdrc.org/news/reports/oslo/Whitehead\\_et\\_al.pdf](http://www.migrationdrc.org/news/reports/oslo/Whitehead_et_al.pdf).
- Zouiten Mounir. 2005. *Migration, réseaux familiaux et stratégies d’insertion urbaine des migrants ruraux au Maroc. Étude exploratoire du cas de l’agglomération de Salé*, 292 p. Thèse : Aménagement : Université de Montréal . [http://tel.archives-ouvertes.fr/docs/00/45/21/26/PDF/M\\_Zouiten.pdf](http://tel.archives-ouvertes.fr/docs/00/45/21/26/PDF/M_Zouiten.pdf)